

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN ĐHQGHN TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG: NGHIÊN CỨU
NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH: TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
MÃ SỐ: 60340201

(Ban hành theo Quyết định số 3539/QĐ-ĐHQGHN, ngày 25 tháng 09 năm 2015 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

- **Tên chuyên ngành đào tạo:**
 - + Tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng
 - + Tiếng Anh: Finance - Banking
- **Mã số chuyên ngành đào tạo:** 60340201
- **Tên ngành đào tạo:**
 - + Tiếng Việt: Tài chính - Ngân hàng
 - + Tiếng Anh: Finance - Banking
- **Trình độ đào tạo:** Thạc sĩ
- **Thời gian đào tạo:** 2 năm
- **Tên văn bằng tốt nghiệp:**
 - + Tiếng Việt: Thạc sĩ ngành Tài chính - Ngân hàng
 - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Finance - Banking
- **Đơn vị đào tạo:** Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Đào tạo thạc sĩ có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, có năng lực nghiên cứu, phân tích, giảng dạy các vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính - ngân hàng trong các cơ sở nghiên cứu và đào tạo, trong các doanh nghiệp, ngân hàng, cơ quan chính phủ, các định chế tài chính và các tổ chức khác; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở trình độ Tiến sĩ; có thể tích lũy kinh nghiệm để trở thành nhà nghiên cứu, chuyên gia đầu ngành và lãnh đạo trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Thi tuyển với các môn thi sau đây:
 - + Môn thi Cơ bản: Toán kinh tế
 - + Môn thi Cơ sở: Kinh tế học
 - + Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. Điều kiện văn bằng

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Tài chính – Ngân hàng hoặc ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng;
- Có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 5 học phần (15 tín chỉ);
- Có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng và có chứng chỉ bổ sung kiến thức với chương trình gồm 9 học phần (27 tín chỉ).

3.2.2. Điều kiện thâm niên công tác

- Những người có bằng tốt nghiệp loại khá trở lên và không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức được dự thi ngay;
- Những người có bằng tốt nghiệp đại học dưới loại khá hoặc thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực đăng kí dự thi.

3.3. Danh mục các ngành phù hợp, ngành gần

- Danh mục các ngành phù hợp: Kinh tế (có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu) về Tài chính – Ngân hàng);
- Danh mục các ngành gần: Kinh tế (không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Tài chính – Ngân hàng); Quản trị Kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại; Bảo hiểm; Kinh tế quốc tế; Kế toán; Kiểm toán, Quản trị nhân lực.

3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 5 học phần (15 tín chỉ):

+ Kinh tế vi mô	(3 tín chỉ)
+ Kinh tế vĩ mô	(3 tín chỉ)
+ Kinh tế học tiền tệ - ngân hàng	(3 tín chỉ)
+ Quản trị ngân hàng thương mại	(3 tín chỉ)
+ Tài chính doanh nghiệp 1	(3 tín chỉ)

- Đối với đối tượng có bằng tốt nghiệp đại học không chính quy ngành gần với ngành Tài chính – Ngân hàng, danh mục các học phần bổ sung kiến thức 9 học phần (27 tín chỉ):

+ Kinh tế vi mô	(3 tín chỉ)
+ Kinh tế vĩ mô	(3 tín chỉ)
+ Kinh tế học tiền tệ - ngân hàng	(3 tín chỉ)
+ Quản trị ngân hàng thương mại	(3 tín chỉ)
+ Tài chính doanh nghiệp 1	(3 tín chỉ)
+ Đầu tư tài chính	(3 tín chỉ)
+ Nguyên lý kế toán	(3 tín chỉ)
+ Nguyên lý marketing	(3 tín chỉ)
+ Tín dụng ngân hàng	(3 tín chỉ)

PHẦN II: CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn về kiến thức chuyên môn, năng lực chuyên môn

1.1. Kiến thức chuyên môn

1.1.1. Kiến thức cơ sở

- Nắm vững thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin;
- Có trình độ tiếng Anh đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

1.1.2. Kiến thức cơ sở và chuyên ngành

- Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực được đào tạo; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo;

- Nắm vững kiến thức kiến thức tổng hợp về kinh tế, tài chính, ngân hàng thông qua các học phần nhóm chuyên ngành nhằm đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên ngành và nâng cao trình độ học tập;

- Nắm vững kiến thức chuyên ngành chuyên sâu liên quan đến Tài chính - Ngân hàng, am hiểu về thị trường tài chính- tiền tệ, tài chính doanh nghiệp, quản trị doanh nghiệp, ngân hàng...

- Phân tích, luận giải được các vấn đề thuộc lĩnh vực tài chính- ngân hàng; tăng cường khả năng sáng tạo và khám phá kiến thức mới.

- Phân tích được tình hình tài chính của doanh nghiệp, ngân hàng, các định chế tài chính; phân tích được các thay đổi của chính sách kinh tế và bối cảnh kinh tế vĩ mô để từ đó có thể ra các quyết định tài chính phù hợp với tổ chức mà học viên đang công tác.

- Vận dụng sáng tạo các kiến thức chuyên ngành đã học vào các tình huống thực tế.

1.1.3. Yêu cầu đối với luận văn

Luận văn phải phát hiện và tập trung giải quyết được một hoặc một vài vấn đề nghiên cứu, có phát hiện ra tính mới để có thể đóng góp vào các nghiên cứu trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng.

1.2. Năng lực chuyên môn

- Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị; có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn; đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn; có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn;

- Có khả năng ứng dụng các kiến thức chuyên môn hiện đại về lĩnh vực tài chính - ngân hàng;

- Có năng lực phân tích, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề chuyên học phần sâu trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng;

- Có khả năng vận dụng các mô hình tài chính hiện đại trong nghiên cứu;

- Có khả năng tự nghiên cứu các vấn đề mới và chuyên sâu thuộc lĩnh vực tài chính ngân hàng.

2. Chuẩn về kỹ năng

2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới, phát triển các công nghệ mới trong lĩnh vực được đào tạo;

- Có khả năng hoạch định và tổ chức thực thi các chính sách, chiến lược và dự án trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng;

- Có khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng;

- Có khả năng thực hiện các nghiên cứu và trình bày kết quả nghiên cứu, truyền thông và giao tiếp phục vụ các hoạt động nghề nghiệp.

2.2. Kỹ năng bổ trợ

- Có kỹ năng ngoại ngữ chuyên ngành ở mức có thể hiểu được một báo cáo hay bài phát biểu về hầu hết các chủ đề trong công việc liên quan đến ngành được đào tạo; có thể diễn đạt bằng ngoại ngữ trong hầu hết các tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết báo cáo liên quan đến công việc chuyên môn; có thể trình bày rõ ràng các ý kiến và phản biện một vấn đề kỹ thuật bằng ngoại ngữ;
- Có khả năng làm việc độc lập và tự nghiên cứu, khám phá;
- Có khả năng làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo;
- Kỹ năng làm việc khoa học, chuyên nghiệp, phù hợp với thời đại;
- Có kỹ năng giao tiếp tốt;
- Có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh, sử dụng tiếng Anh chuyên ngành trong công tác nghiên cứu;
- Có thể sử dụng thành thạo các phần mềm phục vụ công tác chuyên học phần (Excel, EViews, SPSS...).

3. Chuẩn về phẩm chất đạo đức

3.1. Trách nhiệm công dân

- Tôn trọng Pháp luật, có lối sống tích cực, sống và làm việc có trách nhiệm với cộng đồng, có sức khỏe bảo vệ Tổ quốc.

3.2. Đạo đức, ý thức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, thái độ phục vụ

- Phẩm chất đạo đức cá nhân: Tự tin, linh hoạt, đương đầu với rủi ro, nhiệt tình, say mê, sáng tạo...
- Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp: Trung thực, cẩn thận, trách nhiệm, tuân thủ kỷ luật của tổ chức, tác phong làm việc chuyên nghiệp; Đam mê nghiên cứu, nâng cao tinh thần học tập suốt đời.

3.3. Thái độ tích cực, yêu nghề

- Có hoài bão, say mê, tự tin;
- Có ý thức phát triển nghề nghiệp.

4. Vị trí việc làm mà học viên có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- **Nhóm 1** - Cán bộ quản lý cấp trung, trưởng phó bộ phận nghiên cứu và nghiệp vụ trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng làm việc tại các doanh nghiệp, các định chế tài chính (như ngân hàng thương mại, doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm, chứng khoán...), các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác;

- **Nhóm 2** - Cán bộ quản lý cấp trung, trưởng nhóm phân tích và tư vấn tài chính làm việc tại các ngân hàng, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư, công ty bảo hiểm, phòng tài chính kế toán của các doanh nghiệp;

- **Nhóm 3** - Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu hoặc doanh nghiệp; giảng viên ở các trường đại học.

5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Với những kiến thức và kỹ năng tích lũy trong suốt quá trình học cũng như khi thực hiện luận văn tốt nghiệp, học viên có khả năng nghiên cứu những vấn đề mới và tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở cấp cao hơn.

6. Các chương trình, tài liệu chuẩn quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo

Chương trình Thạc sĩ Tài chính- Ngân hàng đã tham khảo chương trình của trường Wharton, Mỹ. Các học phần của chương trình của trường Wharton trong Website <http://www.wharton.upenn.edu/>

Khung chương trình Thạc sĩ của Wharton School of Business - Pennsylvania University, Mỹ

COURSE DESCRIPTIONS

FNCE603 - Basics Of Finance

FNCE604 - Preparation Course for the Corporate Finance (FNCE 612) FNCE611
- Corporate Finance

FNCE612 - Accelerated Corp Finance

FNCE613 - Macroeconomics and the Global Economic Environment

FNCE614 - Corporate Finance (Half CU)

FNCE615 - Macroeconomics and the Global Economic Environment (Half CU)

FNCE717 - Financial Derivatives

FNCE719 - International Financial Markets

FNCE720 - Investment Management

FNCE721 - Real Estate Investment: Analysis and Financing

FNCE725 - Fixed Income Securities

FNCE726 - Advanced Corporate Finance

FNCE728 - Corporate Valuation

FNCE730 - Urban Fiscal Policy

FNCE731 - International Corporate Finance

FNCE732 - International Banking

FNCE738 - Capital Markets - formerly Funding Investments (Course Syllabus - 2013A)

FNCE739 - Behavioral Finance (Course Syllabus - 2011A)

FNCE750 - Venture Capital and the Finance of Innovation

FNCE751 - The Finance of Buyouts and Acquisitions (Course Syllabus - 2014A)

FNCE754 - Impact Investing

FNCE756 - Finance Energy

FNCE890 - Advanced Study Project in Finance -

FNCE892 - Financial Engineering

FNCE893 - Global Monetary and Financial Institutions: Theory and Practice

FNCE894 - Managing Fixed Income Portfolios (Course Syllabus - 2014A)

FNCE895 - Private Equity.

FNCE896 - Finance in Europe

FNCE897 - Finance in The Middle East & North Africa

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo :	64 tín chỉ
- Khối kiến thức chung:	8 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành:	41 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i> :	21 tín chỉ
+ <i>Tự chọn</i> :	20 tín chỉ /43 tín chỉ
- Luận văn thạc sĩ:	15 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	Khối kiến thức chung (*)		8				
1	PHI 5002	Triết học <i>Philosophy</i>	4	60	0	0	
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản <i>English for general purposes</i>	4	40	20	0	
II	Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành		41				
II.1	Các học phần bắt buộc		20				
3	FIB 6001	Tiền tệ, ngân hàng và thị trường tài chính: Lý thuyết và thực tiễn <i>Money, Banking and Financial Markets: Theory and Practice</i>	3	30	15	0	
4	FIB 6002	Quản trị ngân hàng thương mại nâng cao <i>Advanced Commercial Bank Management</i>	3	30	15	0	
5	FIB 6003	Tài chính doanh nghiệp chuyên sâu <i>Advanced Corporate Finance</i>	3	30	15	0	
6	BSA 6004	Quản trị chiến lược nâng cao <i>Advanced Strategic Management</i>	3	30	15	0	
7	FIB 6004	Phân tích đầu tư và quản trị danh mục đầu tư <i>Investment Analysis and Portfolio Management</i>	3	30	15	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
8	FIB 6033	Tài chính hành vi <i>Behavioral Finance</i>	3	30	15	0	
9	INE 6101	Thiết kế nghiên cứu luận văn <i>Dissertation Research Design</i>	2	20	10	0	
II.2	Các học phần tự chọn		21/43				
10	FIB 6038	Tài chính sáp nhập và mua lại nâng cao <i>Advanced Finance for Buyouts and Acquisitions</i>	2	20	10	0	
11	FIB 6032	Ngân hàng quốc tế nâng cao <i>Advanced International Bank</i>	3	30	15	0	
12	FIB 6005	Các công cụ có thu nhập cố định <i>Fixed Income Instruments</i>	3	30	15	0	
13	FIB 6008	Kế toán quản trị nâng cao <i>Advanced Managerial Accounting</i>	3	30	15	0	
14	FIB 6035	Quản trị rủi ro trong các tổ chức tài chính <i>Risk Management in Financial Institutions</i>	3	30	15	0	
15	FIB 6012	Phân tích đầu tư bất động sản <i>Real Estate Investment Analysis</i>	2	20	10	0	
16	FIB 6006	Các phương pháp định lượng dùng trong quản trị tài chính <i>Quantitative Methods for Financial Management</i>	3	30	15	0	
17	FIB 6115	Phân tích tài chính nâng cao <i>Advanced Financial Analysis</i>	3	30	15	0	
18	FIB 6014	Các công cụ phái sinh <i>Derivatives</i>	2	20	10	0	
19	FIB 6007	Kế toán tài chính nâng cao <i>Advanced Financial Accounting</i>	3	30	15	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
20	BSA 6005	Quản trị Marketing nâng cao <i>Advanced Marketing management</i>	3	30	15	0	
21	FIB 6010	Tài chính doanh nghiệp quốc tế <i>Intenational Coperate Finance</i>	2	20	10	0	
22	BSA 6016	Quản trị nguồn nhân lực nâng cao <i>Advanced Human Resource</i>	3	30	15	0	
23	FIB 6016	Kinh tế học quản lý <i>Managerial Economics</i>	3	30	15	0	
24	FIB 6037	Tài chính công nâng cao <i>Advanced Public Finance</i>	3	30	15	0	
25	FIB 6034	Dịch vụ ngân hàng ưu tiên <i>Priority Banking Services</i>	2	20	10	0	
III	FIB 7001	Luận văn thạc sĩ <i>Thesis</i>	15				
Tổng cộng			64				

Ghi chú: (*) Học phần ngoại ngữ cơ bản là học phần điều kiện, có khối lượng 4 tín chỉ, được tổ chức đào tạo chung trong toàn ĐHQGHN cho các học viên có nhu cầu và được đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương. Kết quả đánh giá học phần ngoại ngữ không tính trong điểm trung bình chung tích lũy nhưng vẫn tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo.